

Phụ lục
BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHONG DOANH

(Kèm theo Báo cáo số 282/BC-UBND ngày 14/6/2026 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026	Đơn vị tính	Số liệu	
I	Công tác chỉ đạo, điều hành Cải cách hành chính (CCHC)			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	3	
2	Mức độ hoàn thành các kế hoạch CCHC			
2.1	Kế hoạch CCHC của UBND tỉnh			
2.1.1	Tổng số nhiệm vụ được giao trong kế hoạch	Nhiệm vụ		
2.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Nhiệm vụ		
2.1.3	Số nhiệm vụ đến hạn chưa hoàn thành (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Nhiệm vụ		
2.1.4	Số nhiệm vụ được giao chưa đến hạn hoàn thành (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Nhiệm vụ		
2.2	Kế hoạch CCHC của UBND xã, phường			Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 14/01/2026 của UBND xã Phong Doanh về Cải cách hành chính xã Phong Doanh năm 2026
2.2.1	Tổng số nhiệm vụ được giao trong kế hoạch	Nhiệm vụ	33	
2.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Nhiệm vụ	17	
2.2.3	Số nhiệm vụ chưa hoàn thành (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Nhiệm vụ	16	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số đơn vị đã kiểm tra	Đơn vị	0	Đã ban hành Kế hoạch kiểm tra.
3.2	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4	Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	83	
4.1.1	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	83	Tính đến hết tháng 05 có 83 nhiệm vụ được UBND tỉnh, chủ tịch UBND tỉnh giao. Xã đã hoàn thành đúng hạn 83 nhiệm vụ
4.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.1.3	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	120	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026	Đơn vị tính	Số liệu	
5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0; Phát phiếu = 1; Kết hợp = 2;	2	
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0; Có = 1	0	Chưa thực hiện
II	Cải cách thể chế			
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	0	
2.2.2	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	4	Văn bản số 01/2025/QĐ-UBND ngày 25/08/2025 Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng HĐND- UBND xã Phong Doanh; Văn bản số 02/2025/QĐ-UBND ngày 26/08/2025 Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Kinh tế xã Phong Doanh; Văn bản số 03/2025/QĐ-UBND ngày 29/08/2025 Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Phong Doanh; Văn bản số 04/2025/QĐ-UBND ngày 05/09/2025 Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Phong Doanh
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	0	
3.2.2	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	
III	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Thống kê TTHC			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	320	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	20	
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	18	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	320	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100	
2.2	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,83	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026	Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1813	
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1810	
3.2	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.2.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	1	
3.2.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	1	
IV	Cải cách tổ chức bộ máy			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1	Việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Đã hoàn thành = 1 Chưa = 0	1	
1.2	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) tại địa phương	Đơn vị	14	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	48	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	42	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	2	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	448	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	391	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	01 Giáo viên nghỉ tinh giản từ ngày 01/02/2026
V	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Đơn vị	14	
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)		0	
4.1	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
VI	Cải cách tài chính công			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	16	
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	34,73	
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	5,5	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026	Đơn vị tính	Số liệu	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	14	
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	14	3 trường THCS, 3 trường Tiểu Học, 4 trường Mầm non, 2 trường Tiểu học và THCS, 1 trung tâm dịch vụ sự nghiệp công, 1 Trạm y tế xã
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
VII	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0; Hoàn thành = 1	1	
2	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã	Chưa = 0; Hoàn thành = 1	1	
3.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	66,21	2167/3273 văn bản
4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
4.1.1	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	102	
4.1.2	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	102	
4.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	28	
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	28	
4.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	100	
4.3.1	Tổng số hồ sơ DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	1546	
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	1546	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	100	
4.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	267	
4.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	267	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	88,12	
4.5.1	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	101	
4.5.2	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	89	